

QUY CHẾ

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP NAM Á NHIỆM KỶ VIII (2021-2026)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và các Luật sửa đổi, bổ sung;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-NHNN ngày 19/11/2020 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2022;

Căn cứ Tờ trình số 1245/2022/TTQT-NHNA ngày 01/12/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á v/v Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026),

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này áp dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á (“Ngân hàng Nam Á”) nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026) tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Ngân hàng Nam Á (“Đại hội”) nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
- Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bên tham gia khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên dự kiến được bầu vào Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026) là: từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên, trong đó có tối đa 02 thành viên độc lập.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị:

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm (2021 – 2026), nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị.

(i) Những trường hợp không được là thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng Nam Á;
- f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng Nam Á;
- g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- h) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- i) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

- j) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - k) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
 - l) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- (ii) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là:
- (1) Người điều hành của Ngân hàng Nam Á và của tổ chức tín dụng khác;
 - (2) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.
- (iii) Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
- a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng Nam Á;
 - b. Không làm thành viên Hội đồng quản trị đồng thời quá 02 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam;
 - c. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á.
- (iv) Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là:
- a. Người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng Nam Á;
 - b. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Nam Á.
- (v) Có đạo đức nghề nghiệp;
- (vi) Có bằng đại học trở lên;
- (vii) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp

khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- (i) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này;
- (ii) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng Nam Á hoặc công ty con của Ngân hàng Nam Á hoặc đã làm việc cho Ngân hàng Nam Á hoặc công ty con của Ngân hàng Nam Á trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
- (iii) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng Nam Á ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- (iv) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng Nam Á, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Nam Á hoặc công ty con của Ngân hàng Nam Á;
- (v) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng Nam Á; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng Nam Á;
- (vi) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Nam Á tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 4. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên dự kiến được bầu vào Ban kiểm soát Ngân hàng Nam Á nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026) là: 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát:

- Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm (2021 – 2026). Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.
- Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Ban kiểm soát

- (i) Không thuộc đối tượng tại Điểm (i) Khoản 1 Điều 3 của Quy chế này;
- (ii) Có đạo đức nghề nghiệp;

- (iii) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- (iv) Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng Nam Á;
- (v) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- (vi) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á trong 03 năm liền trước đó;
- (vii) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác;
- (viii) Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng Nam Á hoặc công ty con của Ngân hàng Nam Á hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng Nam Á là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng Nam Á;
 - c. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng Nam Á.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử nhân sự vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Số lượng ứng viên được đề cử tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu của cổ đông, nhóm cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc đề cử, ứng cử cụ thể như sau:
 - (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị và một (01) ứng viên Ban kiểm soát;
 - (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng viên Ban kiểm soát;

- (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng viên Ban kiểm soát;
 - (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên Hội đồng quản trị và bốn (04) ứng viên Ban kiểm soát;
 - (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng viên Hội đồng quản trị và năm (05) ứng viên Ban kiểm soát;
 - (vi) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên Hội đồng quản trị và sáu (06) ứng viên Ban kiểm soát;
 - (vii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên Hội đồng quản trị và bảy (07) ứng viên Ban kiểm soát;
 - (viii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa tám (08) ứng viên Hội đồng quản trị và tám (08) ứng viên Ban kiểm soát.
3. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng Nam Á quy định tại Điều lệ Ngân hàng Nam Á, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Nam Á.
 5. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử

1. Trong thời hạn theo Thông báo của Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử và có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải gửi cho Ngân hàng Nam Á hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:
 - (i) Đơn đề cử, ứng cử: 04 bản chính
 - + Trường hợp cổ đông tự ứng cử: cổ đông lập Đơn ứng cử (*chứng thực chữ ký người khai - Phụ lục 01*); hoặc

- + Trường hợp nhóm cổ đông đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:
 - ✓ Nhóm cổ đông: lập Biên bản họp nhóm cổ đông đề cử nhân sự vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (tham khảo *Phụ lục 02a*).
 - ✓ Cá nhân được đề cử: lập Đơn xác nhận (*chứng thực chữ ký người khai - Phụ lục 02b*)
- (ii) Sơ yếu lý lịch của ứng viên (*chứng thực chữ ký người khai*): 04 bản chính (*Phụ lục 03*);
- (iii) Phiếu lý lịch tư pháp của ứng viên: 04 bản chính (*Có đầy đủ nội dung và do Cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/09/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan*);
- (iv) Bản kê khai người có liên quan của ứng viên (*chứng thực chữ ký người khai*): 04 bản chính (*Phụ lục 04*);
- (v) Báo cáo công khai các lợi ích liên quan của ứng viên (*chứng thực chữ ký người khai*): 04 bản chính (*Phụ lục 05*);
- (vi) Bản sao chứng thực CMND/CCCD hoặc hộ chiếu, hộ khẩu và các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn có hiệu lực trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ ứng cử: 04 bản sao (*văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan*);
- (vii) Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị: 04 bản (*Chi tiết theo Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/09/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan*);
- (viii) Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện “có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán” đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát: 04 bản (*văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này*).

2. Nguyên tắc lập hồ sơ:

Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt, bản sao từ sổ gốc hoặc là bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định của pháp luật, văn bản do nhân sự dự kiến bầu tự lập phải được chứng thực chữ ký theo quy định. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt, đồng thời các bản dịch phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật. Ứng viên phải chịu trách nhiệm

trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ (*Chi tiết theo Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/09/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan*).

3. Hình thức và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

Cổ đông nộp trực tiếp tại **Văn phòng Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á, số 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh** hoặc cổ đông nộp qua đường bưu điện.

Điều 8. Phương thức bầu cử

1. Cổ đông (bao gồm cả người được cổ đông Ngân hàng Nam Á ủy quyền hợp pháp dự họp) được Ban tổ chức Đại hội của Ngân hàng Nam Á phát 02 Phiếu bầu cử để bầu cử cho các chức danh Thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập của Hội đồng quản trị) và thành viên Ban kiểm soát (gọi chung là Phiếu bầu cử):
 - (i) Phiếu bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026) (phiếu số 03);
 - (ii) Phiếu bầu cử Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026) (phiếu số 04);
2. Cổ đông không tham dự Đại hội và/hoặc không ủy quyền hợp pháp cho người khác tham dự Đại hội theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á thì không có quyền tham gia bầu cử.
3. Phiếu bầu cử có in đầy đủ các nội dung:
 - Số thứ tự của cổ đông, họ tên cổ đông (kèm số giấy tờ pháp lý), số cổ phần sở hữu, họ tên đại diện được ủy quyền (kèm số giấy tờ pháp lý), số cổ phần được ủy quyền, tổng số phiếu bầu (đã được tính theo nguyên tắc bầu dồn phiếu).
 - Danh sách các ứng viên đề cử cho từng loại chức danh (Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát) và cột để điền số phiếu bầu tương ứng từng ứng viên.
 - Ghi chú một số thông tin để cổ đông nắm rõ giải thích tổng số phiếu bầu và số phiếu bầu, ngày giờ in phiếu, số lần in.
4. Phiếu bầu cử hợp lệ khi hội đủ các điều kiện sau đây:
 - (i) Phiếu do Ban tổ chức phát hành và có mộc đỏ của Ngân hàng Nam Á.
 - (ii) Không bị tẩy xóa, gạch bỏ tên ứng viên mà cổ đông không chọn, sửa chữa không theo quy định tại **Khoản 3 Điều 9 _ Cách thức bầu cử** tại Quy chế này hoặc ghi thêm nội dung khác.
 - (iii) Phân ghi số phiếu bầu phải đúng theo **Khoản 1 và 2 Điều 9 _ Cách thức bầu cử** tại Quy chế này và có thể xác định được số lượng phiếu bầu đối với từng ứng viên.

(iv) Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu có quyền bầu cử của cổ đông đó

5. Phiếu bầu cử không hội đủ các điều kiện trên được xem là không hợp lệ.
6. Cổ đông tham dự thực hiện bầu cử bằng cách bỏ Phiếu bầu cử vào thùng phiếu. Sau khi cổ đông hoàn tất việc thực hiện bỏ phiếu, thùng phiếu còn niêm phong sẽ được chuyển đến Hội trường chính cho Ban kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu. Việc vận chuyển thùng phiếu sẽ do Đội an ninh phục vụ Đại hội phụ trách.
7. Trường hợp cổ đông bỏ phiếu với số tờ Phiếu bầu cử không đúng hình thức và nội dung theo mẫu quy định áp dụng tại Đại hội thì Phiếu bầu cử đó không có giá trị để bầu cử, không được tính vào tổng số phiếu phát ra và kết quả kiểm phiếu.
8. Thủ tục kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu bầu cử và tiến hành kiểm phiếu theo đúng quy định. Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả thành viên Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội.
9. Phiếu bầu cử sau khi được kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

Điều 9. Cách thức bầu cử

1. Khi lựa chọn ứng viên nào, cổ đông tự điền số phiếu bầu cho ứng viên đó tại cột “**SỐ PHIẾU BẦU**” trên Phiếu bầu cử. Tổng số phiếu bầu của cổ đông cho các ứng viên không được lớn hơn “**Tổng số phiếu bầu**” thể hiện trên Phiếu bầu cử. Số phiếu bầu phải được ghi bằng số tự nhiên nguyên dương, bao gồm các chữ số từ 0 đến 9, tách các nhóm 3 chữ số bằng dấu chấm (.) kết thúc bằng dấu chấm phẩy (;). Cổ đông không ghi số phiếu bầu dưới dạng tỷ lệ phần trăm (%).
2. Nếu cổ đông không bầu cho một hoặc một số ứng viên thì điền số 0 hoặc để trống ô trống tương ứng của ứng viên đó tại cột “**SỐ PHIẾU BẦU**”. Cổ đông không được gạch tên ứng viên mà mình không chọn.
3. Trường hợp cổ đông ghi sai hoặc muốn sửa đổi số phiếu bầu cho các ứng viên, cổ đông phải gạch bỏ đề ngang lên số phiếu bầu ghi sai hoặc muốn sửa đổi, ký tên vào bên cạnh chỗ gạch bỏ và ghi lại số phiếu bầu mới, không tẩy xóa, sửa chữa trên số phiếu bầu đã ghi sai.
4. Trường hợp cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đến sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, cổ đông đó vẫn được tham dự Đại hội và biểu quyết những vấn đề phát sinh sau khi cổ đông đó đăng ký dự họp nhưng không được phép tham gia bỏ Phiếu bầu cử. Trong trường hợp này hiệu lực của các kết quả bầu cử đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 10. Nguyên tắc bầu cử, trúng cử, công bố kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. **Nguyên tắc bầu cử:**

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. “**Tổng số phiếu bầu**” của mỗi cổ đông được tính sẵn và in trên Phiếu bầu cử. Mỗi cổ đông có “**Tổng số phiếu bầu**” tương ứng với “**Số cổ phần sở hữu**” hoặc “**Số cổ phần được ủy quyền**” nhân với số lượng ứng viên được bầu:
 - (i) “**Tổng số phiếu bầu**” tương ứng với “**Số cổ phần sở hữu**” hoặc “**Số cổ phần được ủy quyền**” nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu (Phiếu số 03);
 - (ii) “**Tổng số phiếu bầu**” tương ứng với “**Số cổ phần sở hữu**” hoặc “**Số cổ phần được ủy quyền**” nhân với số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu (Phiếu số 04).
- Cổ đông có quyền bầu dồn hết “**Tổng số phiếu bầu**” của mình cho một ứng viên hoặc phân chia tùy ý cho một số ứng viên nhưng tổng số lượng phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá “**Tổng số phiếu bầu**” mà mỗi cổ đông có.
- Cổ đông có thể nhập số phiếu bầu thấp hơn “**Tổng số phiếu bầu**” có quyền biểu quyết của cổ đông đó, số phiếu chưa bầu còn lại được hiểu là cổ đông không bầu cho ứng viên nào.
- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thực hiện bỏ phiếu bầu cử thì được hiểu là cổ đông đó không bỏ phiếu bầu cử cho bất kỳ ứng viên nào.

2. Nguyên tắc trúng cử:

- Danh sách ứng viên trúng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng viên phải đạt tối thiểu trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp Đại hội.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

3. Công bố kết quả trúng cử:

- Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.
- Kết quả này sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện:

1. Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bên tham gia khác chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

2. Những nội dung khác về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.
3. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những thay đổi, bổ sung hoặc các văn bản thay thế. Khi các quy định của Quy chế này trái ngược, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2021 – 2026).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Toàn